

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Bản án số: 141/2018/HS-PT

Ngày: 22 - 10 - 2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông La Minh Tường.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Thanh,

Ông Tôn Anh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Vinh Phú, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Ái Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 116/2018/TLPT-HS ngày 28 tháng 8 năm 2018, đối với bị cáo Nguyễn Thành T, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 26/2018/HS-ST ngày 17/7/2018 của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2018/QĐXXPT-HS ngày 02/10/2018.

Bị cáo có kháng cáo:

Bị cáo Nguyễn Thành T, sinh ngày 15 tháng 7 năm 1983 tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi cư trú: đường N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Mua bán phế liệu; trình độ văn hoá: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P và bà Lê Thị M; có vợ chị Ngô Thị Thùy Tr và 02 con, lớn sinh 2007, nhỏ sinh 2014; Tiền án: Không, tiền sự: Không.

Quá trình nhân thân: Ngày 26/5/2006, bị Công an thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt hành chính với số tiền là 100.000 đồng do có hành vi mua bán tài sản do người khác phạm tội mà có theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01413/QĐ/XPVPHC.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 14/3/2018. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 22/01/2018, Nguyễn Thành T đem theo 01 cửa sắt, 01 đèn pin rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 75F3-2993 đến quầy thu mua phế liệu của chị Nguyễn Thị Hồng P, tại thôn D, xã PM, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế và lén lút cửa khóa cửa của quầy thu mua phế liệu nói trên để trộm cắp tài sản. Sau khi phá được khóa cửa, T đóng hờ cửa rồi điều khiển xe mô tô đến nhà của Nguyễn Ngọc H; trên đường đi, T gọi điện thoại cho H lái xe ô tô tải biển kiểm soát 75C-073.60 (Xe của chị Nguyễn Thị Bích L, là em gái của H) đi chở đồ phế liệu (T đã gọi điện thoại hẹn trước với H vào ngày 21/01/2018). T đến nhà H và đưa xe mô tô lên thùng xe tải rồi H điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 75C-073.60 chở T đến quầy phế liệu của chị P, lúc này khoảng 04 giờ cùng ngày; khi T và H đang bốc đồ phế liệu lên xe tải được 25 phút thì có anh Lại Đức Văn S, có nhà ở phía đối diện quầy phế liệu của chị P nghi ngờ là trộm cắp nên đến hỏi H và T rồi đi về. Sợ bị phát hiện, T bảo Hưng lái xe ô tô tải chở đồ trộm cắp rồi khỏi quầy phế liệu về đỗ xe ở đường N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đến khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày, T gọi Hưng lái xe ô tô tải biển kiểm soát 75C-073.60 chở T cùng tài sản trộm cắp đến quầy thu mua phế liệu của chị Võ Thị Mỹ H, tại đường A, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, bán toàn bộ tài sản trộm cắp cho chị Phạm Thị Kiều L (Là con gái của chị H) với số tiền 5.005.000 đồng. Ngay sau khi phát hiện bị mất trộm, chị P đã viết đơn trình báo với cơ quan công an.

Ngày 03/02/2018, Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện P có kết luận định giá tài sản số: 04/KL-HĐĐG, trị giá toàn bộ tài sản đã bị trộm cắp là 7.308.150 đồng.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trả lại vật chứng của vụ án cho các chủ sở hữu, không ai có ý kiến gì. Ngoài ra còn một số vật chứng tạm giữ để giải quyết trong vụ án, cụ thể:

- 01 cây đèn pin (Loại đèn đội trên đầu), màu đen, hiệu Zhiluxing.
- 01 cái cửa sắt màu đỏ, có kích thước 45 x 10 cm, lưỡi cửa dài 31 cm,
- 01 điện thoại Nokia, màu trắng - đen, số imei: 355502/05/251193/4,
- 01 xe mô tô nhãn hiệu UNION, màu đen, biển kiểm soát 75F3-2993, số máy: UGE100-0705579, số khung: UGF-0705579.

Phần dân sự:

Bị hại là chị Nguyễn Thị Hồng P đã nhận lại số phế liệu bị mất trộm và số tiền bồi thường 5.000.000 đồng. Chị P đã viết giấy bãi nại cho bị cáo.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 26/2018/HSST ngày 17/7/2018 của Toà án nhân dân huyện P, đã áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành T 09 (Chín) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 30/7/2018, bị cáo Nguyễn Thành T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế cho rằng từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt mà giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Vì các lẽ trên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thành T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên khoảng 03 giờ 30 phút ngày 22/01/2018, Nguyễn Thành T đã lén lút cửa khóa cửa quầy thu mua phế liệu của Nguyễn Thị Hồng P, tại thôn D, xã PM, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế để trộm cắp tài sản, trị giá toàn bộ tài sản đã bị trộm cắp là 7.308.150 đồng. Với hành vi nêu trên, bị cáo Nguyễn Thành T đã bị Tòa án nhân dân huyện P xử phạt về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo:

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, gây nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, nhưng vẫn cố tình thực hiện, do đó, cần xét xử nghiêm để giáo dục và phòng ngừa chung. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và hậu quả xảy ra, đã xem xét tất cả các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đã cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ đó là: Tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, theo quy định tại

điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 và xử phạt bị cáo với mức hình phạt 09 tháng tù là không nặng.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không bổ sung thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Do đó, không thể chấp nhận kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt của bị cáo mà cần giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm như lời đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh tại phiên tòa là có cơ sở.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tổ tụng hình sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 26/2018/HSST ngày 17/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành T, **09** (Chín) tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt thi hành án.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thành T phải chịu 200.000 đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ 1 TANDTC;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND Tỉnh TT Huế;
- TAND huyện P;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Sở Tư pháp tỉnh TT Huế;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ; Tòa Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

La Minh Tường